

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 05-9-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh năm 1977.

ĐKHKTT: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương

3. *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương

(Chị D có mặt, anh C, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày:

Chị và anh Phạm Văn C trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay tỉnh Hải Dương) ngày 15/7/1996. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng ở thôn C, xã Q, huyện T được 02 tháng thì mua đất và làm nhà ăn ở riêng. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là

do anh C không chung thủy, sống gia trưởng, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi, anh còn đánh và đốt quần áo của chị. Ngày 13/3/2019 anh C đánh chị D, chị D phải đi bệnh viện điều trị, sau khi ra viện chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã V sống. Chị thấy không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có ba con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 02/6/1997; Phạm Văn D, sinh ngày 03/9/2009 và Phạm Văn T, sinh ngày 15/11/2012. Con Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, từ khi anh chị ly thân cho tới nay, con D và T vẫn ở cùng chị. Nguyên vọng của chị muốn được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện tại chị buôn bán, thu nhập ổn định từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Phạm Văn C và nhiều lần triệu tập anh C đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh C. Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2019, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện Hội phụ nữ, Tư pháp xã và lãnh đạo thôn C đều xác nhận anh C có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn tới vợ chồng rạn nứt tình cảm, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, chị D đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã V sinh sống, anh chị ly thân nhau.

Ông Phạm Văn D là bố đẻ của anh C trình bày: Trong cuộc sống, chị D và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C tính nóng nảy, đánh chị D. Tháng 3 năm 2019 chị D đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã V sống và anh chị sống ly thân nhau.

Con Phạm Văn D nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị D.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã Q đề nghị hiện nay cả hai con Phạm Văn D và Phạm Văn T đang ở với chị D, con D đã trên 7 tuổi nên lấy ý kiến nguyện vọng của cháu xem ở với ai, còn con T nên giao cho chị Dung nuôi dưỡng, chị D có thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh C không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/8/2019, bị đơn là anh Phạm Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị Vũ Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin hôn anh Phạm Văn C và đề nghị được nuôi cả hai con, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị D về xin ly hôn anh Phạm Văn C; về con chung: Giao con Phạm Văn D và Phạm Văn T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) ngày 15/7/1996. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị D, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng là ông D có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không tôn trọng nhau. Nhiều lần chị D bị anh C đánh đập, xúc phạm tới chị. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay, chị D và anh C đã sống ly thân nhau. Anh C cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị D, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau và anh C cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã nhiều lần được Tòa án triệu

tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị D nhưng anh C không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị D ly hôn với anh C.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có ba người con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 02/6/1997; Phạm Văn D, sinh ngày 03/9/2009 và Phạm Văn T, sinh ngày 15/11/2012. Con Phạm Văn Đ đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét. Đối với con Phạm Văn D và Phạm Văn T hiện đang ở với chị D, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng. HĐXX thấy từ khi ba mẹ con về quê ngoại ở đến nay thì cuộc sống ổn định, chị D có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tốt. Do vậy, cần giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con Phạm Văn D và Phạm Văn T cho đến khi con thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên hiện nay, đồng thời không làm xáo trộn cuộc sống, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung là phù hợp với nguyện vọng của con Phạm Văn D, phù hợp với quan điểm của đại diện VKS và quan điểm của cơ quan quản lý gia đình và trẻ em ở địa phương, phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D, xử cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Văn D, sinh ngày 03/9/2009 và Phạm Văn T, sinh ngày 15/11/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D

không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005160 ngày 25/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tú